

Bản án số: 73/2024/HS-ST
Ngày: 30-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thân.

Bà Nguyễn Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Các ngày 27, 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P, sinh ngày 02/8/1998 tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ CCCD: 038098014123; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị H; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 23/01/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 15/7/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 33 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp với 24 tháng tù tại bản án số 16/2021/HS-PT ngày 23/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 57 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2020. Đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 6, Cục C10, Bộ Công an; được trích xuất về Nhà tạm giữ, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 07/02/2024 đến nay. Có mặt.

2. Đỗ Ngọc N, sinh ngày 01/03/2000 tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ CCCD: 038200020843; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T (đã chết) và bà Đặng Thị H; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16/01/2024 đến nay. Có mặt.

3. Đặng Văn N, sinh ngày 26/11/1998 tại huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ CCCD: 038098002921; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn K và bà Lưu Thị D (đều đã chết); Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 23/7/2019, bị Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Ngày 15/7/2021, bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 27 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp với 12 tháng tù tại bản án số 52/2019/HS-ST ngày 23/7/2021 của Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 39 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2020. Bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 05/02/2024 đến nay. Có mặt.

4. Lê Văn H, sinh ngày 21/8/1995 tại huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ CCCD: 038095001954; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và bà Đặng Thị H; Có vợ là Phạm M H và 01 con, sinh năm 2020; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 23/4/2019, bị Toà án nhân dân huyện hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 17/9/2020, bị Toà án nhân dân huyện hậu Lộc xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp với 36 tháng tù tại bản án số 19/2019/HS-ST ngày 23/4/2019 của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 48 tháng tù (được trừ 56 ngày đã bị tạm giam tại bản án 19/2019/HS-ST); Ngày 15/7/2021, bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp với 45 tháng 28 ngày tù tại bản án số 60/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Toà án nhân dân huyện hậu Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 75 tháng 28 tù. Đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, Cục C10, Bộ Công an; được trích xuất về Nhà tạm giữ, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 08/7/2024 đến nay. Có mặt.

5. Lê Văn C, sinh ngày 20/6/1986 tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ CCCD: 038086009462; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trung C và bà Mai Thị V; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 30/10/2017, bị Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 17/01/2024 đến nay. Có mặt.

6. Phạm Việt A (Tên gọi khác là H.M), sinh ngày 07/8/1996 tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Đông Ninh, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ CCCD: 038096007637; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con Phạm Văn K (đã chết) và bà Đinh Thị M; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 24/6/2014, bị Toà án nhân dân huyện Hà Trung xử phạt 36 tháng tù về

tội “Cướp tài sản” (đã chấp hành xong); Ngày 23/4/2019, bị Toà án nhân dân huyện Hà Trung xử phạt 27 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong); Ngày 13/7/2022, bị Toà án nhân dân huyện Hà Trung xử phạt 42 tháng tù về các tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, “Cưỡng đoạt tài sản”. Đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5, Cục C10, Bộ Công an; được trích xuất về Nhà tạm giữ, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 13/5/2024 đến nay. Có mặt.

Bị hại:

1. Lê Văn C, sinh ngày 20/6/1986; Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Phạm Việt A (Tên gọi khác là H.M), sinh ngày 07/8/1996; Nơi cư trú: Thôn Đông Ninh, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Đỗ Ngọc N, sinh ngày 01/03/2000; Nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn Ch, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Xuân Th, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. Anh Đỗ Văn Ch, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn X, xã Thuận Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

5. Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

6. Anh Doãn Văn M, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tiểu khu D, thị trấn H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

7. Anh Doãn Thanh H, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

8. Chị Phạm Thị Phương M, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h30 ngày 20 tháng 6 năm 2018, nhóm của Nguyễn Văn P gồm: Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N và một nam, một nữ thanh niên (chưa rõ lai lịch) đi chơi trên hai xe máy, trên Quốc lộ 1A hướng Hà Nội - Thanh Hoá. Khi đi đến đầu đường rẽ đi rừng Sến thuộc tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa thì gặp chị Phạm Thị Phương M, sinh năm 1986, trú tại thôn Tây Ninh, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, điều khiển xe máy đi cùng chiều, phía sau chở một người phụ nữ (chưa rõ lai lịch), nhóm của P đã có hành vi

trêu ghẹo chị M nên dẫn đến hai bên lời qua tiếng lại. Sau đó nhóm của P đi về nhà trọ ở cạnh Quốc lộ 1A, cách đường tỉnh lộ 508 (thường gọi là đường 13) 83m, còn chị M đi về nhà ở thôn Tây Ninh, xã Yên Sơn gặp và nói lại việc bị nhóm P trêu ghẹo cho anh trai là Phạm Văn Ch sinh năm 1983, cùng trú tại thôn Tây Ninh, xã Yên Sơn. Ch gọi điện thoại cho anh trai là Phạm Xuân Th, sinh năm 1981, cùng trú tại thôn Tây Ninh, xã Yên Sơn (đang ở trọ tại thôn Ninh Thôn, xã Yên Sơn) nói lại sự việc chị M bị nhóm P trêu ghẹo cho Th biết và bảo Th cùng tìm P nói chuyện. Ch, Th rủ Đỗ Văn Ch, sinh năm 1989, trú tại thôn Lam Thôn, xã Thuận Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, Phạm Việt A (Tên gọi khác là H.M), Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn Phú Đa, xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc và một số nam thanh niên (chưa rõ lai lịch) đi cùng. Khi đi, Th và Việt A đem theo hung khí là dao và kiếm.

Khoảng 01h ngày 21/6/2018, nhóm Ch, Th đi xe máy đến nhà trọ của P, riêng T điều khiển xe máy đi một mình về nhà Ch ở thôn Tây Ninh, xã Yên Sơn lấy một ống kim loại hình trụ tròn, dài khoảng 1m, một đầu gắn dao nhọn (thường gọi là “phóng lợn”), rồi quay lại đứng ở bất chần đường sắt (giáp Quốc lộ 1A, đối diện đầu đường 13) chờ. Ch, Th đi vào trong nhà trọ của P, những người còn lại đứng trước cửa. Tại đây, Ch và Th nói chuyện với P về việc trêu ghẹo em gái là M, dẫn đến hai bên to tiếng cãi nhau, Th đòi xông vào đánh Đỗ Ngọc N thì bị P cùng Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N lấy hung khí trong phòng (dao, phóng lợn) đuổi chém nên Ch, Th chạy ra ngoài đường Quốc lộ 1A. Lúc này, các anh Doãn Văn M, sinh năm 1989, trú tại tiểu khu 4, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, Doãn Văn D, sinh năm 1988, trú tại thôn Tây Ninh, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, Đào Mạnh G, sinh năm 1992, trú tại thôn Nghè Đỏ, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, đang ăn uống tại quán ăn đêm Hương Trí (cách nhà trọ của P 45m), nghe tiếng ồn ào nên anh D và anh G tới can ngăn. Th và Việt A đi về trước, những người còn lại của hai nhóm tiếp tục đứng dọc theo lề đường Quốc lộ 1A (đoạn từ trước phòng trọ của P đến trước quán ăn đêm Hương Trí) gây sự với nhau. Thấy hai bên vẫn to tiếng, P bực tức gọi điện thoại cho Lê Văn H đến hỗ trợ.

Trong lúc hai nhóm chửi nhau thì Lê Văn C (là người quen biết, chơi với hai anh em Ch, Th) điều khiển xe máy đi một mình từ phía nhà Ch đến bất chần đường sắt thì gặp T. T nói cho C biết việc nhóm Ch, Th đang nói chuyện với nhóm P vì trước đó nhóm P trêu ghẹo chị M. Một lát sau T đưa phóng lợn cho C, rồi điều khiển xe máy đi một mình sang đường đón Ch, Ch bảo T đi về cát đồ đi, thì T điều khiển xe máy về nhà Ch, còn Ch đứng lại nhưng không tham gia vào việc đuổi chém nhau. Lúc này, C cầm phóng lợn đi bộ sang, khi đến dải phân cách giữa đường (đứng cạnh biển báo quay đầu xe) C to tiếng thách thức đánh nhau với nhóm P. Đồng thời lúc này, khoảng 3 - 4 nam thanh niên (chưa rõ lai lịch) đi hai xe máy từ hướng huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tới, đem theo một bao tải đựng hung khí (kiếm, phóng lợn). C và nhóm P thách thức nhau thì P hô “*chém chết mẹ nó đi!*”. Nhóm P gồm: P cầm một phóng lợn, Đỗ Ngọc N cầm một phóng lợn, Đặng Văn N và Lê Văn H đều cầm dao (hoặc phóng lợn) và một số nam thanh niên (chưa rõ lai lịch) mới tới cầm hung khí (kiếm, phóng lợn) cùng xông tới chém C. C cầm phóng lợn vừa chém, vừa lùi lại nhưng do nhóm P đông người, khi C lùi đến lề đường trái chiều Thanh Hoá - Hà Nội thì bị chém trúng vào đầu, cánh tay trái và tai phải. Bị chém, C bỏ chạy dọc

theo Quốc lộ 1A về hướng Hà Nội, nhóm P đuổi theo khoảng 100m thì dừng lại. Trong lúc bỏ chạy, C dùng phóng lộn vút ngược lại trúng cổ tay phải Đỗ Ngọc N. C tiếp tục đi bộ dọc theo Quốc lộ 1A về hướng Hà Nội và ném phóng lộn vào lề đường. Sau đó C được Ch đưa về nhà trọ của Th, rồi đưa vào Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung điều trị.

Sau khi đánh nhau với C, nhóm P quay lại đứng ở lề đường Quốc lộ 1A, gần đầu đường 13. Một lát sau, Việt A cùng 1 -2 N thanh niên (chưa rõ lai lịch) đi một xe máy từ hướng huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tới, Việt A cầm thanh kiếm xông đến đuổi chém nhóm P nhưng không trúng. Nhóm P lấy hung khí đánh lại thì nhóm Việt A lên xe máy bỏ chạy. Thấy vậy, P cùng Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N đem theo hung khí, đi xe máy đuổi theo Việt A trên Quốc lộ 1A đến đoạn đường gần cầu Hà Ninh thì dừng lại, xe của P từ phía sau đuổi đến. P, Đỗ Ngọc N và Đặng Văn N xuống xe, cầm hung khí (phóng lộn) xông vào chém nhau với Việt A, làm Việt A bị thương, Đỗ Ngọc N bị Việt A chém trúng cổ tay trái bị thương.

** Về thương tích của các bị hại:*

- Đối với Lê Văn C

+ Vùng đỉnh đầu có vết thương KT (3 x 1) cm, rách da, chảy máu, bờ mép sắc gọn;

+ Vùng mặt trước ngoài cánh tay trái có vết thương KT (10x 4)cm, rách da sâu sát xương, bờ mép sắc gọn;

+ Vùng vành tai phải có vết thương có KT (2 x 0,5)cm, rách da, chảy máu, bờ mép sắc gọn.

Tại kết luận giám định số 882/KLTTCT-PYTH ngày 11/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận:

+ Các sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh trước, sẹo vết thương vùng mặt trước ngoài 1/3 cánh tay trái, số lượng sẹo ít, kích thước từ nhỏ đến lớn: 10%.

+ Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trước 1/3 dưới vành tai phải, vành tai không co rúm: 3%

Tổng tỷ lệ thương tích 13% (mười ba phần trăm).

- Đối với Đỗ Ngọc N:

+ Mặt ngoài cánh tay phải có vết thương KT (10 x 1)cm, rách da, chảy máu, bờ mép sắc gọn;

+ Mặt trong cẳng tay trái có vết thương KT (5 x 0,5)cm, rách da, chảy máu, bờ mép sắc gọn;

+ Mặt trong cẳng tay phải phá dưới xương trụ có vết thương KT (3 x 0,5)cm, rách da, chảy máu, bờ mép sắc gọn;

Tại kết luận giám định số 3899/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Viện khoa học hình sự, Bộ công an kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Đỗ Ngọc N như sau:

+ Sẹo mặt sau ngoài 1/3 giữa cánh tay phải, kích thước trung bình 03%;

+ Sẹo (vết thương + phẫu thuật) mặt trước trong 1/3 dưới cằm tay phải, kích thước trung bình 03%;

+ Sẹo mặt trước trong 1/3 dưới cằm tay trái, kích thước trung bình 03%;

+ Tổn thương nhánh thần kinh trụ phải 11%.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Ngọc N tại thời điểm giám định là 19% (mười chín phần trăm).

* Qua điều tra xác định thương tích của Đỗ Ngọc N bị cả giai đoạn đánh nhau với Lê Văn C và giai đoạn đánh nhau với Phạm Việt A, nhưng Kết luận giám định số 3899/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Viện khoa học hình sự, Bộ công an chưa tách và làm rõ được tỷ lệ tổn thương của Đỗ Ngọc N do Lê Văn C gây nên. Do đó Cơ quan điều tra tiếp tục trưng cầu giám định tách thương tích của Đỗ Ngọc N để xử lý. Ngày 05 tháng 7 năm 2024, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có công văn số: 1983/C09-TT01 xác định tổn thương tại mặt trước trong 1/3 dưới cằm tay phải của Đỗ Ngọc N gồm 02 tổn thương: tổn thương phần mềm và tổn thương nhánh dây thần kinh trụ, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau:

+ Sẹo (vết thương + phẫu thuật) mặt trước trong 1/3 dưới cằm tay phải, kích thước trung bình: 03% (áp dụng Nguyên tắc đánh giá sẹo phần mềm, Mục I.1, Chương 9).

+ Tổn thương nhánh dây thần kinh trụ phải: 11% (áp dụng Mục VII.3.17, Chương 2).

Tổng tỷ lệ % tổn thương cơ thể đối với các tổn thương tại mặt trước trong 1/3 dưới cằm tay phải của Đỗ Ngọc N tại thời điểm giám định là 14% (mười bốn phần trăm).

- Đối với Phạm Việt A:

+ Vùng mí mắt bên phải có vết thương KT (5 x 3) cm, rách da, chảy máu, bờ mép sắc gọn;

+ Vùng môi trên bên phải có vết thương KT (2 x 1)cm, rách da, chảy máu, bờ mép sắc gọn;

+ Vùng thắt lưng bên phải có vết thương KT (3 x 1)cm, rách da, chảy máu, bờ mép sắc gọn;

+ Vùng má phải sưng nề, bầm tím;

+ Vùng má trái (dưới mang tai) có vết thương KT (2 x 0,3)cm, chảy máu, bờ mép sắc gọn;

Tại kết luận giám định số 3900/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Viện khoa học hình sự, Bộ công an kết luận tỷ lệ phần trăm cơ thể do thương tích gây nên của Phạm Việt A như sau:

+ Sẹo vùng trán phải, kích thước nhỏ 01%;

+ Sẹo vùng má trái, kích thước nhỏ 01%;

+ Sẹo môi trên bên trái, kích thước nhỏ 01%;

+ Sẹo vùng thắt lưng bên phải, kích thước trung bình 03%.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Việt A tại thời điểm giám định là 06% (sáu phần trăm).

* Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số: 1489/KLVGTT-PYTH ngày 29/8/2023 của Trung tâm pháp y Thanh Hoá, kết luận:

- Vùng đỉnh đầu có vết thương rách da chảy máu, bờ mép vết thương sắc gọn: Do tác động của ngoại lực; được tạo nên bởi vật có cạnh sắc hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Gây tổn thương rách da, cơ, mô mềm; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh trước.

- Vùng mặt trước ngoài cánh tay trái có vết thương rách da xâu sát xương bờ mép vết thương sắc gọn: Do tác động của ngoại lực; được tạo nên bởi vật có cạnh sắc hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Gây tổn thương rách da, cơ, mô mềm; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trước ngoài 1/3 trên cánh tay trái.

- Vùng mặt vành tai phải có vết thương rách da chảy máu, bờ mép vết thương sắc gọn: Do tác động của ngoại lực; được tạo nên bởi vật có cạnh sắc hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Gây tổn thương rách da, cơ, mô mềm; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trước ngoài 1/3 dưới vành tai phải.

- Tại thời điểm giám định: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác tư thế, chiều hướng tác động và lực tác động của vật gây thương tích.

- Kết luận khác:

+ Nếu sử dụng các vật chứng là dao tự chế dài 90cm; thanh tuýp sắt; dao tự chế (dao phóng lợn) dài 140cm, lưỡi dao bị sứt mẻ, phần mũi dao bị cong vênh và dao tự chế (dao phóng lợn) dài 140cm có đặc điểm như đã ghi nhận trong Quyết định trưng cầu giám định số 270/QĐ-CSĐT ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá làm vật gây thương tích tác động vào cơ thể của Lê Văn C thì có thể gây ra các thương tích đối với Lê Văn C như đã ghi nhận trong hồ sơ giám định do Cơ quan trưng cầu cung cấp.

+ Nếu sử dụng vật chứng là dao tự chế (dao phóng lợn) dài 120cm; phần lưỡi dao bị mất, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, dài 120cm, hai đầu cán dao quán bằng dính màu đen như đã ghi nhận trong Quyết định trưng cầu giám định số 270/QĐ-CSĐT ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá làm vật gây thương tích tác động vào cơ thể của Lê Văn C thì không gây ra được các thương tích đối với Lê Văn C như đã ghi nhận trong hồ sơ giám định do Cơ quan trưng cầu cung cấp.

Cơ quan CSĐT, Công an huyện Hà Trung đã thu thập hình ảnh video từ camera tại chốt chặn đường sắt (điểm giao QL 1A và đường đi vào rừng Sến). Tại Kết luận số 3293/KL-KTHS ngày 19/9/2023 của phòng PC09 - Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận:

+ Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa...

+ Nâng cao chất lượng của 10 tệp video gửi giám định

+ Mô tả một số hình ảnh trong tệp video mang tên ...11406.avi

+ Trích xuất một số hình ảnh trong các tệp video gửi giám định.

* Vật chứng thu giữ:

- Thu tại hiện trường: 01 dao tự chế dài 90cm, cán dao dạng ống tuýp sắt dài 60cm, phần lưỡi dao có đầu nhọn dài 30cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 04cm.

- Nguyễn Văn P giao nộp:

+ 01 thanh tuýp sắt đường kính 2,7cm, dài 83cm, một đầu nhọn, một đầu bằng.

+ 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 140cm, lưỡi dao dạng dao bầu dài 20cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, dài 120cm.

+ 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 140cm, lưỡi dao dạng dao bầu dài 20cm, mũi nhọn, lưỡi dao bị sứt mẻ, phần mũi dao bị cong vênh, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, dài 120cm. bị cong.

+ 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 120cm, phần lưỡi dao bị mất, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, hai đầu cán dao được quấn băng dính đen.

Hiện đã chuyển vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung bảo quản chờ xử lý.

* Về dân sự: Lê Văn C, Phạm Việt A, Đỗ Ngọc N tự nguyện không yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Bản cáo trạng số: 68/CT-VKSHT ngày 13/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C, về tội: Gây rối trật tự công cộng và Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm b khoản 2 điều 318 và điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự; Phạm Việt A về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C, Phạm Việt A đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai báo trong quá trình điều tra.

Lê Văn C, Phạm Việt A, Đỗ Ngọc N tự nguyện không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C, Phạm Việt A, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C phạm các tội “Gây rối trật tự công cộng”, “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Phạm Việt A về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P với mức án tù 36 đến 39 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; từ 33 đến 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 69 đến 75 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 57 tháng tù tại bản án số 116/2021/HS-ST ngày

15/7/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt Ch của 02 bản án.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Ngọc N với mức án từ 33 đến 36 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; từ 30 đến 33 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 63 đến 69 tháng tù.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn N với mức án từ 33 đến 36 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; từ 30 đến 33 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 63 đến 69 tháng tù.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H với mức án từ 33 đến 36 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; từ 30 đến 33 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 63 đến 69 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 75 tháng 28 ngày tù tại bản án số 116/2021/HS-ST ngày 15/7/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn C với mức án từ 33 đến 36 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; từ 30 đến 33 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 63 đến 69 tháng tù.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Việt A (tên gọi khác là H.M) với mức án từ 30 đến 33 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp với hình phạt 42 tháng tù tại bản án số 65/2022/HS-ST ngày 13/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Hà Trung. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Về dân sự: Các bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với Đặng Văn N) của Nghị Quyết 236/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị

cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Lê Văn H, Lê Văn C và Phạm Việt A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Văn N,

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa; các bị cáo, bị hại không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 01 giờ ngày 21/6/2018, tại ở tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Văn P cùng Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H và một số N thanh niên (chưa rõ lai lịch) tụ tập chửi bới thách thức nhau, đuổi đánh nhóm Phạm Văn Ch, Phạm Xuân Th, Lê Văn C, Phạm Việt A và một số N thanh niên (chưa rõ lai lịch) từ trong nhà trọ của P ở tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa ra Quốc lộ 1A. Khi thấy Lê Văn C cầm phông lợn đi bộ ra giữa đường Quốc lộ 1A thách thức, thì Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H hô hào, dùng hung khí xông vào chém nhau với Lê Văn C, gây thương tích cho Lê Văn C bị tổn hại 13% sức khỏe; Lê Văn C chém lại gây thương tích cho Đỗ Ngọc N bị tổn hại 14 % sức khỏe. Sau đó Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N đi xe máy, cầm theo hung khí đuổi chém nhau với Phạm Việt A trên đường Quốc lộ 1A (đoạn từ đầu đường tỉnh lộ 508 đến gần cầu Hà Ninh, dài khoảng 850m), gây thương tích cho Phạm Việt A bị tổn hại 06 % sức khỏe.

[2.2] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Phạm Việt A đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất mức độ hành vi và hậu quả:

3.1] Hành vi phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” của các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C, Phạm Việt A là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn M, quy tắc sống của xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, chính trị ở địa phương và trật tự an toàn xã hội. Xuất phát từ mâu thuẫn trong sinh hoạt đời sống mà các bị cáo đã đui đánh nhau tại nơi công cộng, thể hiện sự manh động và coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình đối với quần chúng nhân dân địa phương.

[3.2] Hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” của các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã có hành vi dùng dao phóng lộn là hung khí nguy hiểm đui đánh nhau, chém gây thương tích cho người khác. Hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo hết sức manh động, táo bạo, quyết liệt và nguy hiểm, không những thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” và hành vi “Cố ý gây thương tích”. Trong vụ án này, các bị cáo tuy không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công nhiệm vụ cụ thể, nhưng khi hành động bột phát đều hiểu ý nhau và cùng thực hiện hành vi phạm tội không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Nguyễn Văn P là người khởi xướng, cùng các bị cáo khác thực hành tích cực.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngoài Lê Văn C đã có 01 tiền án, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự ra; trước khi phạm tội các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Phạm Việt A đều là những người không có tiền sự, tiền án; Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Sau khi phạm tội và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Các bị hại cũng đều có lỗi; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với tội “Cố ý gây thương tích”, các bị cáo P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, H, C được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn C có bố đẻ là người có công, tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương các loại, đang hưởng chế độ thương binh nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ sự phân tích, cá thể hóa về vai trò, nhân thân, trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã nêu trên, căn cứ vào tính chất vụ án và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử phân hóa xử lý như sau:

[5.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn P là đối tượng giữ vai trò chính, cùng lúc phạm 02 tội nghiêm trọng nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy

định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, đối với tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định khoản 2 Điều 51 của BLHS nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Do bị cáo phạm 02 tội nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt của bị cáo theo quy định tại Điều 55 của BLHS; đồng thời tổng hợp với hình phạt 57 tháng tù tại bản án số 116/2021/HS-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Được trừ thời gian chấp hành hình phạt tù đã được giảm.

[5.2] Đối với các bị cáo Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H đều là những đối tượng giữ vai trò tích cực, cũng cùng lúc phạm 02 tội nghiêm trọng nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”, các bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, đối với tội “Cố ý gây thương tích”, các bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định khoản 2 Điều 51 của BLHS nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và xử phạt các bị cáo ở mức án ngang nhau để các bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành những người công dân tốt, có ích cho xã hội. Do các bị cáo phạm 02 tội nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt của các bị cáo theo quy định tại Điều 55 của BLHS. Ngoài ra, đối với Lê Văn H cần tổng hợp thêm với hình phạt 75 tháng 28 ngày tù tại bản án số 116/2021/HS-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

[5.3] Đối với bị cáo Lê Văn C là đối tượng đã có 01 tiền án, cũng cùng lúc phạm 02 tội nghiêm trọng, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm cũng cần phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, đối với tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định khoản 2 Điều 51 của BLHS nên xử lý bị cáo ở mức án ngang với bị cáo Nguyễn Văn P là tương xứng với trách nhiệm hình sự của bị cáo, đồng thời để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5.4] Đối với bị cáo Phạm Việt A tham gia ở vai trò tích cực, phạm tội nghiêm trọng nên cũng cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo đang phải chấp hành hình phạt 42 tháng tù tại bản án số 65/2022/HS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung. Do đó Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội bị cáo đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung của bị cáo theo khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: 01 dao tự chế dài 90cm, cán dao dạng ống tuýp sắt dài 60cm, phần lưỡi dao có đầu nhọn dài 30cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 04cm; 01 thanh tuýp sắt đường kính 2,7cm, dài 83cm, một đầu nhọn, một đầu bằng; 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 140cm, lưỡi dao dạng dao bầu dài 20cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, dài 120cm; 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 140cm, lưỡi dao dạng dao bầu dài 20cm, mũi nhọn, lưỡi dao bị sứt mẻ, phần mũi dao bị cong vênh, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, dài 120cm, đã qua sử dụng; 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 120cm, phần lưỡi dao bị mất, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, hai đầu cán dao được quấn băng dính đen là công cụ phạm tội của bị cáo cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C và Phạm Việt A đều là những người bị kết án nên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Văn N do bị cáo thuộc hộ nghèo ở địa phương, có đơn xin miễn nộp án phí.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C phạm các tội “Gây rối trật tự công cộng”, “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Phạm Việt A (tên gọi khác là H.M) phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 36 (ba sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 33 (ba ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 69 (sáu chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 57 (năm bảy) tháng tù tại bản án số 116/2021/HS-ST ngày 15/7/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2020 (ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án trước). Được trừ 08 (tám) tháng tù đã được giảm theo Quyết định về việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù số 386/2022/THAHS-QĐ ngày 23/9/2022 và Quyết định về việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù số 367/2023/THAHS-QĐ ngày 25/8/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Ngọc N 33 (ba ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2024.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn N 33 (ba ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/02/2024.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 33 (ba ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 63 (sáu ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 75 (bảy lăm) tháng 28 (hai tám) ngày tù tại bản án số 116/2021/HS-ST ngày 15/7/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng 28 (hai tám) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2020 (ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án trước).

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn C 36 (ba sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 33 (ba ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2024.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Việt A (tên gọi khác là H.M) 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp với hình phạt 42 (bốn hai) tháng tù tại bản án số 65/2022/HS-ST ngày 13/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2021 (ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án trước).

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 6 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 dao tự chế dài 90cm, cán dao dạng ống tuýp sắt dài 60cm, phần lưỡi dao có đầu nhọn dài 30cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 04cm; 01 thanh tuýp sắt đường kính 2,7cm, dài 83cm, một đầu nhọn, một đầu bằng; 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 140cm, lưỡi dao dạng dao bầu dài 20cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, dài 120cm; 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 140cm, lưỡi dao dạng dao bầu dài 20cm, mũi nhọn, lưỡi dao bị sứt mẻ, phần mũi dao bị cong vênh, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, cán dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, dài 120cm, đã qua sử dụng; 01 dao tự chế (dao phóng lợn) dài 120cm, phần lưỡi dao bị mất, cán

dao (dạng ống tuýp sắt) đường kính 2,1cm, hai đầu cán dao được quấn băng dính đen. Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Đỗ Ngọc N, Đặng Văn N, Lê Văn H, Lê Văn C và Phạm Việt A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Văn N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND H.Hà Trung;
- VKSND T.Thanh Hóa;
- CQĐT CA H.Hà Trung;
- Nhà tạm giữ, CA H.Hà Trung;
- Các trại giam số 5, số 6, Thanh Lâm;
- CQTHAHS CA H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh